

Lê Quỳnh

Bàn lại với ông Hồ Bạch Thảo về nhân vật Hồ Quý Ly

Tôi là người dịch bài tiểu luận của giáo sư Keith Taylor, vì thế nếu lại tự viết một bài liên quan đến bản dịch, sẽ dễ gây hiểu lầm rằng dịch giả hoàn toàn chia sẻ quan điểm của tác giả (bản gốc). Người ta có thể dành thời gian dịch vì thấy hứng thú, thấy có những chi tiết bổ ích muốn chia sẻ với những người khác, nhưng không nhất thiết có nghĩa quan điểm của tác giả và người dịch là một.

Tuy nhiên, đọc bài thảo luận của tác giả Hồ Bạch Thảo, tôi ngạc nhiên trước cách nghĩ của ông về nhân vật Hồ Quý Ly. Vấn đề về nguồn gốc của nhân vật lịch sử này tương đối dễ tìm nhất, so với các chi tiết tranh luận khác trong bài của tác giả Hồ Bạch Thảo. Vì thế, nếu ngay một nhân vật khá căn bản mà cách diễn giải theo tôi đã có vấn đề, thì những chi tiết khác phức tạp hơn trong bài sẽ đòi hỏi cần có sự nhìn nhận dè dặt.

Keith Taylor nhắc đến sự kình địch giữa hai phe ở Đông Kinh và Thanh Nghệ, còn Hồ Bạch Thảo muốn phản bác điều này. Nói cách khác, theo ông Thảo, không có sự kình địch giữa hai khu vực này, và ở một đoạn sau đó, ông nói "nếu bảo Thanh Nghệ là vùng đất căn bản của nhà Hồ, thì tại sao nhà Hồ không tạo ra được một sức chống trả nào với quân Minh ở đây"?

Ông Hồ Bạch Thảo viết thêm rằng "sau khi cha con Hồ Quý Ly bị bắt đưa về Tàu, vẫn còn dư đảng họ Hồ đánh phá tại vùng châu Thất Nguyên, phủ Lạng Sơn... những nhóm theo nhà Hồ có thể hiện diện tại bất cứ địa phương nào, không riêng gì Thanh Nghệ".

Trước tiên, theo tôi, hơi đơn giản nếu lấy diễn biến của các trận chiến (vốn luôn động) để chứng minh về "vùng đất căn bản" của một phe nhóm. Lực lượng của Lê Lợi, khi đã mạnh lên, có thể thảo phạt quân Minh ở tận vùng biên giới, nhưng rõ rệt vùng đất căn bản của ông vẫn là ở Thanh Hoá. Tương tự, trong cuộc xung đột với Tây Sơn, Nguyễn Ánh bôn tẩu bao nơi, lặn lội ra cả nước ngoài, nhưng bàn đạp của ông là ở Nam Bộ.

Quay trở lại Hồ Quý Ly, nhân vật này thuộc về một trong những tập đoàn địa phương Thanh Nghệ. Thật ra đây không phải chuyện mới lạ gì, nhưng vì tác giả Hồ Bạch Thảo có ý lướt qua điều này để bác bỏ mối quan hệ tranh đua Đông Kinh – Thanh Nghệ, nên tôi thấy cần nói thêm một số chi tiết:

Tình quê nhà Thanh Hoá của gia đình Hồ Quý Ly là nòng cốt sức mạnh của ông. Như *Đại Việt sử ký toàn thư* cho biết, Quý Ly có tổ tiên là Hồ Hưng Dật vốn người Chiết Giang sang làm thái thú Diễn Châu ở thế kỷ 10. Đến đời cháu thứ 12 là Hồ Liêm dời đến ở hương Đại Lại, Thanh Hóa, lấy con gái một nhà họ Lê, nên từ đấy lấy Lê làm họ mình.

Năm 1369, sau khi Trần Dụ Tôn chết, Dương Nhật Lễ mưu tiếm ngôi nhưng bị tôn thất nhà Trần, tụ họp dưới trướng Cung Định Vương Trần Phủ (sau này là vua Trần Nghệ Tông), đánh bại.

Một điểm quan trọng ở đây là trong lúc đang có loạn Dương Nhật Lễ, thì Trần Phủ đã lánh ra trấn Đà Giang, rồi hẹn với các em ở phủ Thanh Hoá để dấy quân ^[1]. Thanh Hoá đóng vai trò quan trọng cho việc đưa Trần Phủ lên làm vua (Trần Nghệ Tông), vì thế giúp san sẻ quyền lực vào tay gia thất Hồ Quý Ly, người trước đó có hai người cô được tuyển vào hậu cung, mà một người chính là đã sinh ra Trần Phủ.

Hồ Quý Ly (lúc này vẫn giữ tên Lê Quý Ly) bắt đầu đưa người của mình vào chính trường, từ các tỉnh ở phía nam của Hà Nội. Chúng ta để ý năm 1372, *Toàn thư* nhắc đến hai nhân vật họ Hồ và đều ở khu vực phía nam: Hồ Tông Thốc của Diễn Châu được phong Hàn lâm viện học sĩ, và Hồ Long của Hoá châu trở thành tri châu của Hoá châu ^[2]. Mùa thu năm trước đó, Hồ Quý Ly đã đi Nghệ An để vỗ yên nơi biên giới, và chắc không phải ngẫu nhiên mà hai người kia lại nhập triều vào thời điểm này. Sự hiện diện của họ trong chính quyền có thể được xem, như lời của John Whitmore trong tác phẩm về Hồ Quý Ly ^[3], là "sự khởi đầu của quá trình vận động khéo léo của Quý Ly". Trong 25 năm cuối cùng của thế kỷ 14 trước lúc Quý Ly cướp ngôi Trần, có hai xu hướng: sự củng cố bàn đạp chính

trị của Quý Ly ở phía nam và sự xuất hiện mạnh mẽ - lần đầu tiên – của những người vùng Thanh Nghệ trong cuộc tranh đấu chính trị tại triều.

Tác giả Hồ Bạch Thảo nhắc đến hai câu thơ của vua Trần Nhân Tông:

Cối-kê cự sự quân tu ký,

Hoan Diễn do tôn thập vạn binh

và cho rằng nội dung thơ "nói lên sự tin cậy của Vương Hầu nhà Trần đối với vùng đất Nghệ Tĩnh".

Nhưng lại có thể có một cách hiểu khác về hai câu thơ này. Theo tác giả Minh Vũ Hồ Văn Châm, hai câu này của vua Nhân Tông (dịch là *Cối kê chuyện cũ anh nên nhớ, Hoan Diễn hãy còn mười vạn binh chưa sử dụng đến*) thực ra ám chỉ "lúc đánh nhau với Mông Cổ, triều đình cần nhiều lính, vậy mà cũng chưa tính đến việc động viên lính Thanh Nghệ."

Vì sao không động viên lính Thanh Nghệ? Lý do là vì nhà Trần có sự phân biệt đối xử với địa phương phía nam. "Mở khoa thi Thái Học Sinh, lấy Trạng Nguyên thì phân biệt Kinh Trạng Nguyên (ở Bắc Hà) và Trại Trạng Nguyên (mạn ngược và Thanh Nghệ). Tuyển quân lính thì ngoại trừ du quân có lấy người ở các lộ khắp nước, còn thân quân chỉ tuyển mộ người các lộ đông và nam, các vương hầu gia đồng chỉ gồm toàn người ở kinh kỳ và ở Tức Mặc"^[4].

Hiểu theo cách này, người ta sẽ không ngạc nhiên vì sao trong cuộc phản kích chống vua Chiêm Thành Chế Bồng Nga trong thập niên 1370, sau một loạt chuỗi dài thất trận, nhà Trần nay không chỉ cần người và lương thực ở miền nam, mà phải tái tổ chức lại cả các tỉnh phía nam.

Bị bỏ quên hơn nửa thế kỷ, các tỉnh miền nam nay được "kết dính" với kinh đô để hỗ trợ cho chiến dịch đánh Chiêm Thành. Một ví dụ là năm 1374, các đơn vị quân đội được tổ chức ở năm tỉnh phía nam để bổ sung cho quân kinh sư^[5]. Năm 1375, người ở Thanh Hóa, Nghệ An, Tân Bình được đốc thúc đắp sửa đường xá. John Whitmore nhận xét "các tỉnh phía nam cảm nhận bàn tay của trung ương, một bàn tay mà người dân ở đó không quen thuộc".

Một vài chi tiết ở trên muốn nói rằng Hồ Quý Ly và nhóm của ông ở Thanh Hoá, sau loạn Dương Nhật Lễ năm 1370, bắt đầu tiến gần đến quyền lực ở trung ương. Trên thực tế, việc lên ngôi của Trần Nghệ Tông không thể không kể đến vai trò của quân vùng Thanh Hoá giúp Nghệ Tông dẹp Nhật Lễ. Và sau khi vua Nghệ Tông qua đời năm 1395, Hồ Quý Ly thật sự phát triển uy lực của mình.

Vùng đất gốc hỗ trợ cho Hồ Quý Ly có tính chất đặc biệt trong lịch sử chính trị Việt Nam thế kỷ 14. Sức mạnh của Quý Ly đặt ở miền nam, để rồi từ đó ông đi vào kinh sư. Khu Thăng Long, và mạn phía bắc và tây của nó, là căn cứ của tông tộc họ Trần cũ^[6]. Đến thời Hồ Quý Ly, lần đầu tiên các tập đoàn địa phương ở phía nam - Thanh Hoá và Nghệ An - mới lại đủ sức tranh chấp quyền bính. Dĩ nhiên, không ai lại ngây thơ lý luận rằng tất cả người của Thanh Nghệ đều ở một phe đối chọi quyền lực với triều Trần ở Thăng Long (ví dụ điển hình là tướng Trần Khát Chân, người gốc Thanh Hoá.) Nhưng một điều có thật là đã có các tập đoàn địa phương ở Thanh Nghệ lớn mạnh, để rồi ngay cả khi Hồ Quý Ly chưa soán được ngôi, ông đã xây dựng Tây Đô ở Thanh Hoá và buộc vua Trần Thuận Tông dời vào đó năm 1397, chia sẻ tính chính danh cùng Đông Đô.

Nếu cần có thêm bằng chứng để nói Hồ Quý Ly xem vùng Thanh Hoá như căn cứ chính, ta hãy đọc lại lời Khu mật chủ sự Nguyễn Nhữ Thuyết can gián khi nghe về ý định dời đô vào Thanh Hoá:

"Ngày xưa, nhà Chu, nhà Ngụy dời kinh đô đều gặp điều chẳng lành. Nay đất Long Đỗ có núi Tản Viên, có sông Lô nhị, núi cao sông sâu, đất bằng phẳng rộng rãi. Từ xưa, các bậc đế vương mở nền dựng nước, không đời nào không lấy đất làm nơi sâu gốc bền rễ. Hãy nên noi theo việc trước: khi ấy quân Nguyên bị giết, giặc Chiêm phải nộp đầu... Xin nghĩ lại điều đó, để làm thế vững vàng cho nước nhà. An Tôn đất đai chật hẹp, hẻo lánh, ở nơi đầu non cuối nước, hợp với loạn mà không hợp với trị. Cho dù dựa vào thế hiểm trở thì đời xưa đã có câu: "Cốt ở đức chứ không cốt ở hiểm".^[7]

Sau này đến kỳ xét công, Quý Ly thấy tên Nhữ Thuyết, nhớ lại chuyện cũ liền phể bỏ không dùng. Lời can gián của Nguyễn Nhữ Thuyết thể hiện cảm xúc của giai tầng quan lại truyền thống ở đồng bằng sông Hồng, tin vào quê của họ và không tin vào các vùng ở xa. Sự từ chối nghe của Hồ Quý Ly lại phản ánh điều ngược lại.

Sau khi đã sắp xếp hình hài các tỉnh phía nam, Hồ Quý Ly lập nên một cơ cấu hành chính mới tại trung châu sông Hồng. Tỉnh quanh Đông Đô được gọi là đô hộ phủ, cai trị theo lối nhà Đường cũ. Tại đây, Quý Ly cho con là Hồ Hán Thương coi sóc. Ở hai tỉnh phía bắc và phía tây kinh thành được đặt là đô thống phủ: phủ đô thống lộ Bắc Giang do Trần Hàng cai quản, Tam Giang do Trần Nguyên Trữ coi sóc. Như vậy, hai kinh đô (Tây Đô và Đông Đô) là do hai cha con họ Hồ cai quản; trong lúc các thành viên của tông tộc họ Trần nắm giữ các tỉnh vùng đồng bằng, trung tâm cổ xưa của nền văn minh Việt.

Lưu ý là toàn bộ diễn biến này diễn ra trước khi Hồ Quý Ly dựng lên vương triều mới. Mục đích của các động thái này đều nhằm xây dựng dần cơ sở cho họ Hồ, với trung tâm ở Thanh Nghệ, trước khi họ đủ mạnh để tước bỏ quyền lực của trung ương (cũ).

Như trên trình bày, có thể khẳng định vùng đất phía nam – Thanh Nghệ - là nơi tập trung thế lực của Hồ Quý Ly. Khẳng định về này, không có nghĩa dẫn tới hệ quả tiếp theo trong quân sự là “Hồ Quý Ly sẽ có sự kháng chiến mạnh mẽ lâu dài tại Thanh Nghệ”. Nếu lòng người – vượt trên hẳn sức mạnh quân sự, tài cầm quân, vật lực... – giúp thăng trận, thì lịch sử thế giới chắc đã khác rất nhiều ^[8] .

Tuy nhiên, trong cuộc chiến Minh – Hồ kéo dài khoảng hơn nửa năm, có thể nhậ ra vài chi tiết gợi mở cho thấy vùng Đông Đô bất mãn với nhà Hồ, và rằng Hồ Quý Ly vẫn hy vọng mở phong trào “cần vương” ở phía nam.

Nhưng trước khi đề cập đến chuyện đó, tôi muốn lưu ý một chi tiết gây hiểu nhầm trong bài của tác giả Hồ Bạch Thảo. Ông viết:

“Keith W. Taylor viết về cuộc chiến kháng Minh năm 1406-1407: “Hồ Quý Ly từ bỏ phần lớn khu vực Đông Kinh” cũng không đúng sự thực. Minh thực lục xác nhận trận phục kích đao quân của Đô-đốc Hoàng Trung đem Trần Thiêm Bình về nước xảy ra tại Cấn-Trạm, một nơi cách ải Pha-Lũy tại biên giới khoảng 3 ngày đi bộ. Trận đánh mở đầu của Trương Phụ sau đó, xuất phát từ Bằng-Tường, tỉnh Quảng-Tây; đánh 3 vạn quân Hồ Quý Ly đồn trú trên núi, gần ải Pha-Lũy”.

Thực ra, vụ hộ tống Trần Thiêm Bình, người tự nhận là con cháu nhà Trần, về nước năm 1406, không thể xem là nằm trong giai đoạn cuộc chiến kháng Minh. Lúc này nhà Hồ đang hoà hoãn với nhà Minh, và trên lý thuyết, nếu cha con họ Hồ chịu đưa Thiêm Bình lên làm vua, thì không có chiến tranh. Nhưng Trần Thiêm Bình bị bắt. 12 ngày sau đó tin tức bay về Nam Kinh, kế hoạch xâm lược mới được thảo ra, mặc dù cuộc xâm lược chính thức sẽ chỉ bắt đầu vào tháng 11 năm ấy khi Trương Phụ đưa quân qua ải Nam Quan.

Bây giờ quay trở lại cuộc chiến từ tháng 11-1406 đến tháng 6-1407 (khi cha con Hồ Quý Ly bị bắt), một chi tiết quan trọng bộc lộ rằng nhà Hồ không được lòng của dân Đông Đô. Tháng 11-1406, theo *Toàn thư*, quân Minh hội ở sông Bạch Hạc, bày doanh trại bờ bắc sông Cái, đến tận Trú Giang. Hồ Nguyên Trừng chỉ huy quân dọc sông Hồng, còn Hồ Đỗi chỉ huy quân ở Trú Giang. Quân Minh cho viết lời văn kể tội họ Hồ vào nhiều mảnh gỗ thả theo dòng. Các quân người nào trông thấy thì cho là đúng như lời trong bảng, hơn nữa lại chán ghét chính sự hà khắc của họ Hồ, không còn bụng dạ chiến đấu nữa ^[9] . Số người bỏ trốn nhiều, đặc biệt ở các khu vực mạn tây bắc Hải Dương, Sơn Tây, mạn đông bắc và tây của Đông Đô. Ba người con cháu của Mạc Đĩnh Chi ngụ ở trung châu sông Hồng chưa bao giờ chấp nhận nhà Hồ. Mạc Địch, Mạc Thúc, Mạc Viễn đã giúp Trương Phụ trong kế hoạch vượt qua sông. Diễn biến này mở đường cho cuộc tấn công của quân Minh giữa tháng Giêng năm sau, khi Đông Đô thất thủ sau một tuần và Quý Ly cùng Hán Thương chạy về Tây Đô.

Quân Minh đã nhận được một sự hưởng ứng từ người quanh Đông Đô - như *Toàn thư* có chép, "Kinh lộ phần nhiều theo giặc làm phản". Các thành viên của gia đình hoàng tộc Trần cũ như Trần Nguyên Chí, trung thư lệnh Trần Sư Hiền đều đầu hàng quân Minh ^[10].

Trong khi không được lòng của người ở Đông Đô, Hồ Quý Ly vẫn có hy vọng đối với các tỉnh phía nam. Một vài chi tiết sót lại từ chính sử hé lộ điều này. Vào cuối kỳ cuộc kháng chiến, Hồ Quý Ly vẫn thường nương nhờ vào khu vực Thanh Nghệ. Chẳng hạn, vào tháng Tư 1407, Hồ Quý Ly đi từ Thanh Hoá tới Hoàng Giang để hội quân với Hồ Nguyên Trừng. Tháng Năm khi thua trận, họ Hồ và đình thần tướng tá chạy vào Nghệ An. Sau đó, lại chạy vào Quảng Bình.

Sau đó, khi hai họ Hồ chạy về phía tây, bị quân Minh đánh gấp, viết thư báo Hoàng Hối Khanh lấy một phần ba số dân di cư khi trước, gộp với quân lính địa phương ở Thăng Hoa và Thuận Hoá để làm quân cần vương. Chi tiết này cho thấy trước sau, với Hồ Quý Ly, khu vực các tỉnh phía nam vẫn là nơi ông mong nhờ cậy khi tuyệt vọng.

Quanh bài tiểu luận của Keith Taylor, có một số điểm người đọc có thể không đồng tình với tác giả. Ông Hồ Bạch Thảo không phải không có lý khi muốn làm điều này. Chỉ tiếc ví dụ ngay từ đầu bài mà ông dùng (Hồ Quý Ly) có những nhược điểm trong diễn giải mà tôi hy vọng bài này đã có thể nêu ra. Những khía cạnh khác của câu hỏi về nhất thống – khu vực trong lịch sử Việt Nam là một vấn đề lớn, thú vị; tuy vậy, lại không phải là chủ đề của bài viết này, vốn chỉ đặt lại một trong nhiều khía cạnh mà tác giả Hồ Bạch Thảo đề cập trong bài của mình.

Chú thích:

^[1] *Toàn thư*, 7: 32a

^[2] *Toàn thư*, 7: 39a

^[3] John Whitmore, *Vietnam, Hồ Quý Ly, and the Ming (1371-1421)*, trang 14 (New Haven: Yale Center for International and Area Studies, 1985)

^[4] Minh Vũ Hồ Văn Châm, Quan điểm về một số vấn đề liên hệ đến vụ án văn học Lê Chi Viên. Bản trên internet ở địa chỉ: http://www.geocities.com/chamho/PHAN_TV/LeChiVien.htm

^[5] *Toàn thư*, 7: 41b

^[6] Về nhà Trần, xem thêm Tạ Chí Đại Trường, "Phổ hệ và chế độ nội hôn của họ Trần", trong quyển *Những bài dã sử Việt* (California: Thanh Văn, 1996)

^[7] *Toàn thư*, bản kỷ 8: 29a

^[8] Để có thêm một phân tích về vai trò của công nghệ súng ống trong cuộc chiến giữa nhà Hồ với quân Minh, xin đọc bài của Sun Laichen, *Công nghệ quân sự TQ và Đại Việt 1390-1497*. Bản online tại địa chỉ: http://www.ari.nus.edu.sg/docs/wps/wps03_011.pdf

^[9] *Toàn thư*, bản kỷ 8: 53a

^[10] Khi viết "lòng dân thực sự phẫn nộ như thế nào, có thể thấy một cách rõ ràng qua 64 cuộc nổi dậy xảy ra khắp nước ta", ông Hồ Bạch Thảo có lẽ tỏ ý không tin rằng "đồng bào vùng châu thổ sông Hồng ủng hộ quân Minh chống nhà Hồ". Thật ra, cuối thế kỷ 19, đầu 20, khi Pháp xâm chiếm Việt Nam, đã có phong trào Cần Vương, các cuộc khởi nghĩa, nhưng cũng có không ít người ra làm cho Pháp. Đó là sự thật lịch sử, không có gì phải giấu giếm. Điều này xảy ra ở thế kỷ 19 và cũng có thể xảy ra trong thế kỷ 15.